

# VIETNAM DAILY

## [Điểm nhấn thị trường]

TTCK Việt Nam giảm điểm dưới sự điều chỉnh của nhóm cổ phiếu vốn hóa lớn với thanh khoản tăng

## [Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF]

Các HĐTL giảm điểm tương đồng với diễn biến của thị trường cơ sở

## [Thông tin doanh nghiệp]

DCM, C4G

## [Cập nhật công ty]

NT2, PVT, PVS

## [Quan điểm đầu tư]

NDT được khuyến nghị chỉ kê mua trở lại khi chỉ số về lại các vùng hỗ trợ quanh 120x.

17/08/2023

	Chỉ số	Thay đổi (%, bp)
VNIndex	1,233.48	-0.79
VN30	1,247.82	-0.73
HĐTL VN30F1M	1,253.50	-0.14
HNXIndex	249.97	-1.03
HNX30	513.79	-1.25
UPCoM	92.74	-0.99
USD/VND	23,895	-0.22
Lợi suất TPCP 10 năm (%)	2.52	-2
Lãi suất qua đêm (%)	0.14	+5
Dầu (WTI, \$)	79.68	+0.38
Vàng (LME, \$)	1,895.86	+0.21



# Điểm nhấn thị trường

**VNIndex** 1,233.48 (-0.79%)  
**KLGD (triệu CP)** 1,050.2 (+29.3%)  
**GTGD (triệu US\$)** 1,068.4 (+22.1%)

TTCK Việt Nam giảm điểm dưới sự điều chỉnh của nhóm cổ phiếu vốn hóa lớn với thanh khoản tăng. Khối ngoại mua ròng, tập trung tại CTG (+0.77%), VIC (-4.89%), HPG (+0.54%).

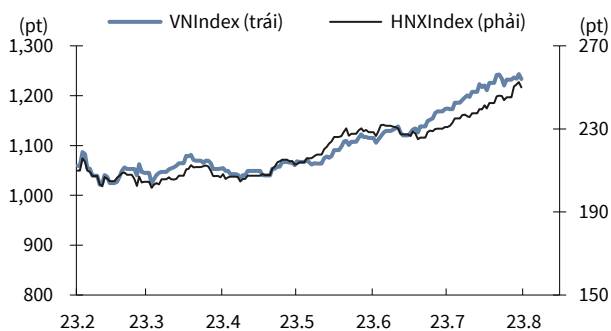
**HNXIndex** 249.97 (-1.03%)  
**KLGD (triệu CP)** 137.3 (+25.6%)  
**GTGD (triệu US\$)** 102.2 (+22.1%)

Theo VSA, lũy kế 7 tháng đầu năm, sản xuất thép thành phẩm đạt 15.5 triệu tấn, giảm 18% so với cùng kỳ năm 2022. Bán hàng thép các loại đạt gần 14.7 triệu tấn, giảm 14% so với 7 tháng năm 2022. Cổ phiếu nhóm Thép giảm giá ở HSG (-1.96%), NKG (-1.48%).

**UPCoM** 92.74 (-0.99%)  
**KLGD (triệu CP)** 65.1 (+8.2%)  
**GTGD (triệu US\$)** 39.8 (+19.7%)

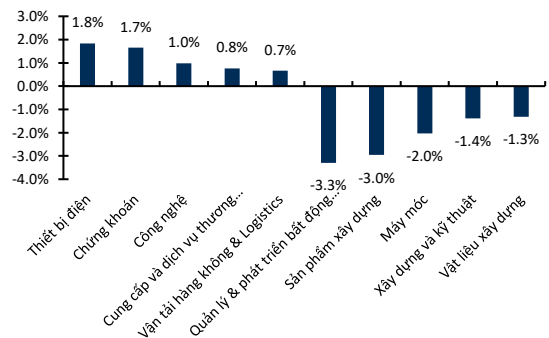
Ghi nhận giá heo hơi ngày 17/8, tại 2 miền Bắc - Nam tiếp tục giảm, trong khi miền Trung đi ngang so với hôm qua. Hiện giá heo hơi được thu mua trong khoảng 57,000 - 61,000 đồng/kg. Cổ phiếu nhóm Chăn nuôi giảm giá ở DBC (-2.49%), BAF (-1.36%).

## VNIndex & HNXIndex



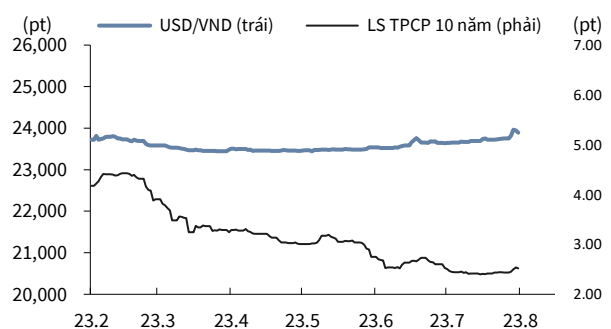
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

## Biến động nhóm ngành



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

## USD/VND & lợi suất trái phiếu chính phủ 10 năm



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

## Giá trị mua ròng khối ngoại lũy kế 3 tháng



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

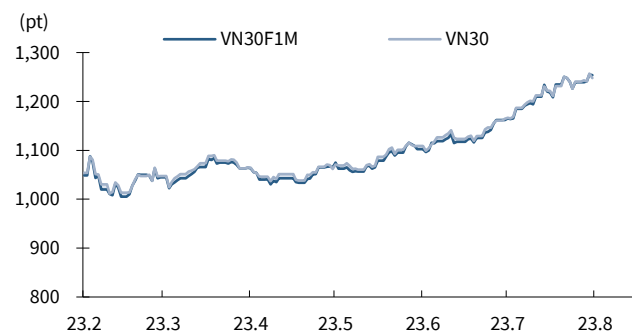
# Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF

<b>VN30</b>	<b>1,247.82 (-0.73%)</b>
<b>VN30F1M</b>	<b>1,253.5 (-0.14%)</b>
<b>Mở cửa</b>	<b>1,252.5</b>
<b>Cao nhất</b>	<b>1,262.0</b>
<b>Thấp nhất</b>	<b>1,252.3</b>

Các HĐTL giảm điểm tương đồng với diễn biến của thị trường cơ sở. Chênh lệch giữa F2308 và VN30 mở cửa và đạt giá trị thấp nhất tại -4.35 điểm, sau đó biến động quanh mức 0.42 điểm và đóng cửa cao nhất tại 5.68 điểm. Khối lượng giao dịch giảm.

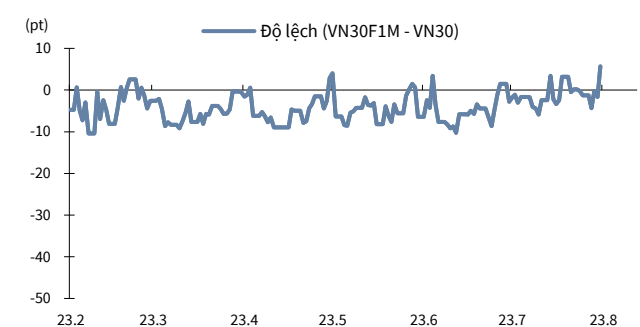
<b>KLGD (HĐ)</b>	<b>185,261 (-10.7%)</b>
------------------	-------------------------

### HĐTL VN30F1M & VN30



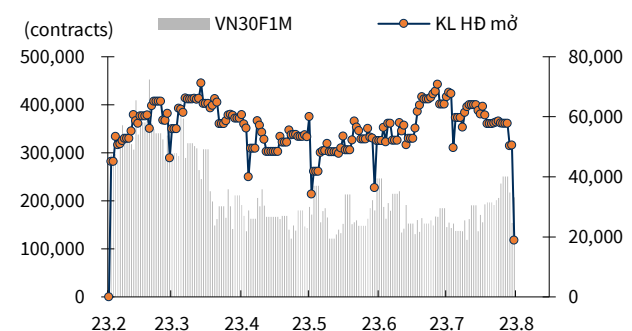
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

### Độ lệch HĐTL VN30F1M so với VN30



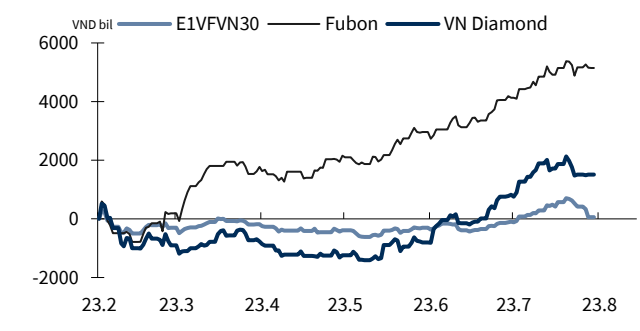
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

### KLGD HĐTL VN30F1M & KL hợp đồng mở



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

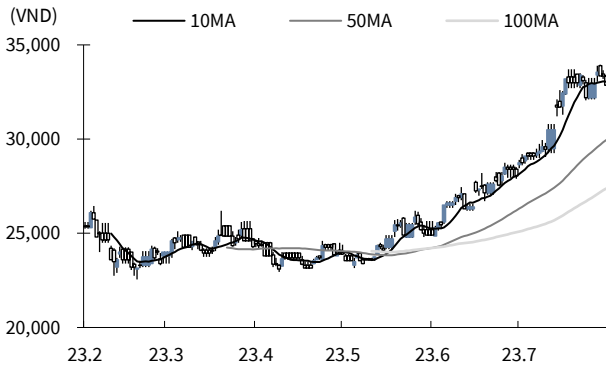
### Biến động tổng tài sản các quỹ ETFs lớn



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

# Thông tin doanh nghiệp

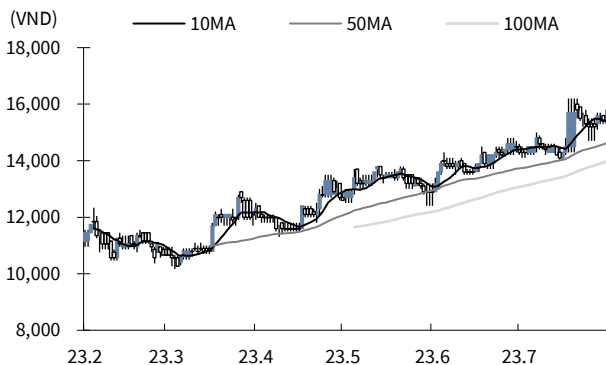
## CTCP Phân bón Dầu khí Cà Mau (DCM)



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- DCM giảm 1.5% xuống còn 32,850 VND/cp
- Theo thông cáo nhà đầu tư của CTCP Phân bón Dầu khí Cà Mau, lũy kế 7 tháng đầu năm, sản lượng tiêu thụ ure đạt 500,440 tấn, hoàn thành 55% và sản lượng tiêu thụ NPK đạt 56,660 tấn, hoàn thành 10%. Sang tháng 8/2023, DCM đặt kế hoạch sản xuất 37,600 tấn với 55,000 tấn tiêu thụ, giảm lần lượt 55% và 7% so với tháng trước với sản lượng tiêu thụ NPK cao gấp 9.8 lần lượng tiêu thụ trong tháng 7/2023.

## CTCP Tập đoàn CIENCO4 (C4G)



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- C4G tăng 0.65% lên 15,500 VND/cp
- Ngày 11/8 vừa qua, CTCP Tập đoàn CIENCO4 đã mua lại toàn bộ 250 tỷ đồng trái phiếu đang lưu hành của mã C4GB2124001, được phát hành ngày 1/12/2021 và phải tới ngày 1/12/2024 mới tới hạn. Theo đó, đây là lô trái phiếu có lãi suất cố định 9.5%/năm, kỳ hạn trả lãi 12 tháng/lần, được phát hành riêng lẻ thông qua tổ chức bảo lãnh phát hành nhằm tài trợ vốn cho việc hợp tác đầu tư, kinh doanh của công ty.

# CTCP Điện lực dầu khí Nhơn Trạch 2 (NT2)

## Thách thức trong nửa còn lại của năm

17/08/2023

 Chuyên viên phân tích Nguyễn Đình Thuận  
 thuannnd@kbsec.com.vn

### Doanh thu và lợi nhuận sau thuế 2Q2023 suy giảm so với cùng kỳ

Doanh thu thuần 2Q2023 của NT2 đạt 2,1820 tỷ VND (-18.2% YoY) và lợi nhuận sau thuế ghi nhận 144.2 tỷ VND (-60.5% YoY). Trong nửa đầu 2023, sản lượng điện thương phẩm đạt 2,128 triệu kWh (-2% YoY). Biên lợi nhuận gộp trong 2Q2023 chỉ đạt hơn 7%. Bên cạnh đó, LNST của NT2 giảm mạnh so với cùng kỳ do (1) giá bán điện trung bình đi xuống cùng chiều với giá đầu vào (2) sản lượng điện thương phẩm suy giảm (3) Chi phí cao hơn do NT2 có thời gian phải chạy bằng dầu diesel (DO) (4) Mức nền cao trong 2Q2022.

### NT2 có thể gặp khó khăn ngắn hạn trong 2H2023

Nhu cầu tiêu thụ điện đang tăng trưởng thấp hơn dự kiến và có thể tiếp tục tăng chậm trong nửa còn lại của năm. Nhu cầu bị ảnh hưởng bởi tiêu thụ của nhóm thâm dụng năng lượng như Công nghiệp – Xây dựng. Ngoài ra, NT2 sẽ đại tu các tổ máy, ảnh hưởng trực tiếp đến sản lượng điện sản xuất được của NT2 trong 2H2023. Chúng tôi cho rằng sản lượng điện huy động trong 2H2023 sẽ suy giảm so với nửa đầu năm và giữ mức dự phóng sản lượng 4,032 triệu kWh (-0.8% YoY) cho 2023.

### NT2 kỳ vọng sẽ trở lại trong 2024 từ mức nền của 2023

NT2 có nhiều lợi thế để nắm bắt cơ hội trong 2024. Giá đầu vào của NT2 hiện đã hạ nhiệt đáng kể so với giá khí trung bình trong năm 2022. Diễn biến này phù hợp với kỳ vọng của chúng tôi trong báo cáo trước đó. NT2 theo đó có thể tăng tính cạnh tranh. Bên cạnh đó, chúng tôi kỳ vọng hoạt động công nghiệp và xây dựng trở lại vào 2024 sẽ thúc đẩy nhu cầu tiêu thụ điện tăng mạnh.

### Khuyến nghị **NẮM GIỮ** với giá mục tiêu 32,200 VNĐ/cổ phiếu

Dựa trên định giá FCFF và EV/EBITDA, triển vọng kinh doanh cũng như xem xét các rủi ro có thể phát sinh, chúng tôi khuyến nghị **NẮM GIỮ** đối với cổ phiếu NT2. Giá mục tiêu là 32,200 VNĐ/cổ phiếu, cao hơn 9.2% so với giá tại ngày 16/08/2023.

## NẮM GIỮ DUY TRÌ

Giá mục tiêu	32,200 VND
Tăng/giảm (%)	9.2%
Giá hiện tại (15/08/2023)	29,500 VND
Giá mục tiêu thị trường	32,900
Vốn hóa (tỷ VND)	8,521

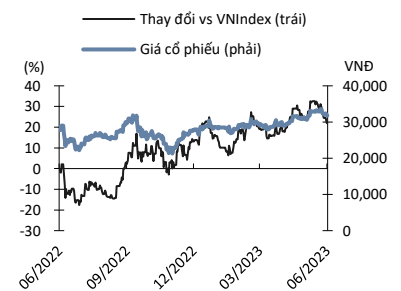
Dữ liệu giao dịch	
Tỷ lệ CP tự do chuyển nhượng (%)	32.3%
GTGD TB 3 tháng (tỷ VND)	23.68
Sở hữu nước ngoài (%)	33.1%
Cổ đông lớn	PV Power (59.4%)

Biến động giá cổ phiếu (%)				
	1M	3M	6M	12M
Tuyệt đối	1.9	9.5	14.6	14.2
Tương đối	-2.7	1.9	7.7	24.1

### Dự phóng KQKD & định giá

Năm tài chính	2021A	2022A	2023F	2024F
Doanh thu (tỷ VND)	6,150	8,788	8,571	9,403
Lãi/(lỗ) từ HĐKD (tỷ VND)	559	957	702	988
Lợi nhuận của CĐ công ty mẹ (tỷ VND)	534	883	735	998
EPS (VND)	1,756	2,992	2,552	3,468
Thay đổi EPS (%)	-16.2	70.4	-14.7	35.9
P/E (x)	14.4	9.7	12.6	9.3
P/B (x)	1.2	1.8	1.9	1.8
ROE (%)	13%	19%	15%	19%
Tỷ suất cổ tức (%)	12%	6%	6%	8%

Nguồn: Bloomberg, KBSV



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

# TCT CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ (PVT)

## Báo cáo thăm doanh nghiệp

### Kết quả kinh doanh mảng vận tải hàng lỏng 1H2023 tích cực

- Doanh thu 1H2023 của PVT giảm nhẹ 3.3% yoy chủ yếu do PVT quyết định giảm tỷ trọng đóng góp của mảng thương mại và dịch vụ khác để tập trung vào mảng cốt lõi và vận tải biển. Lưu ý rằng mảng thương mại và dịch vụ khác thường chỉ có vai trò duy trì quy mô doanh thu cho PVT và không đóng góp nhiều về mặt lợi nhuận gộp. Doanh thu vận tải tăng khoảng 7% yoy trong khi mảng thương mại và dịch vụ khác giảm khoảng 38% yoy.
- Lợi nhuận sau thuế tăng 35.4% yoy. Lợi nhuận gộp mảng vận tải đạt khoảng 672 tỷ VND, tăng 21% yoy, chủ yếu đến từ các mảng vận tải hàng lỏng (dầu thô, dầu thành phẩm/hóa chất, LPG). Mảng vận tải hàng rời ghi nhận mức lỗ khoảng 56 tỷ VND.
- Giá cước vận tải hàng lỏng nhìn chung vẫn duy trì ở mức rất cao trong 1H2023, tăng trung bình 25%-100% yoy đối với từng loại tàu. Riêng giá cước hàng rời trên thị trường ghi nhận giảm khoảng 50% yoy, quay trở lại mức trung bình 10 năm.
- Đến đầu tháng 8/2023, PVT đã nhận 4 tàu dưới hình thức đầu tư mua và 4 tàu dưới hình thức thuê mua (BBHP), tập trung vào mảng dầu thành phẩm/hóa chất và LPG. Cả 7 tàu đã được cho thuê ngay sau khi nhận bàn giao.
- Trong 1H2023, PVT thanh lý 2 tàu Apolo Pacific và PVT Dragon. Cả 2 tàu đều có kích cỡ vừa phải, dễ bán được giá, giúp PVT ghi nhận khoản thu nhập thanh lý vào khoảng 55 tỷ VND.
- PVT cũng đã thỏa thuận thành công về việc tăng giá cước vận chuyển dầu thô nguyên liệu cho CTCP Lọc hóa dầu Bình Sơn (BSR). Với cơ cấu giá cước mới, ngoài việc giá cước điều chỉnh tăng theo giá dầu nhiên liệu, PVT sẽ được hưởng lợi nhờ phần lợi nhuận mark-up tăng khoảng 10%, giúp cải thiện biên lợi nhuận gộp (BLNG) mảng vận tải dầu thô của công ty.

### Triển vọng hoạt động kinh doanh tươi sáng trong 2H2023 và 2024

- Nhìn chung, PVT đánh giá triển vọng giá cước vận tải hàng lỏng tích cực do nhu cầu đang vượt nguồn cung tàu. Về phía cầu, các động lực hỗ trợ giá cước vận tải bao gồm: quãng đường vận chuyển dài hơn do hệ quả của cuộc chiến Nga-Ukraine và nhu cầu tại thị trường Trung Quốc và khu vực Đại Tây Dương tốt hơn so với cùng kỳ. Phía nguồn cung cũng có các yếu tố thuận lợi gồm: số đơn hàng đóng tàu đang rất thấp trong những năm gần đây do hệ quả của đại dịch Covid và các tiêu chuẩn về khí thải khiến các tàu phải giảm vận tốc trung bình, kéo theo đó là giảm hiệu suất hoạt động.
- Đối với mảng vận tải dầu thô, giá cước có thể chịu tác động tiêu cực trong ngắn hạn do quyết định cắt giảm sản lượng từ phía OPEC+, khiến nhu cầu vận tải dầu thô giảm nhẹ. Tuy nhiên, dự kiến nguồn cung tàu vận tải dầu thô sẽ vẫn thắt chặt do các công ty trên thế giới đang chuyển hướng đầu tư sang các loại tàu LNG và LPG theo xu hướng năng lượng sạch. PVT kỳ vọng giá cước vận tải dầu thô sẽ giảm nhẹ nhưng vẫn sẽ neo ở mức rất cao so với giá trung bình 10 năm.

- Đối với mảng dầu thành phẩm/hóa chất, PVT kỳ vọng giá cước sẽ vẫn duy trì ở mức cao chủ yếu do nhu cầu khổng lồ từ các nhà máy PDH (propane dehydrogenation) tại Trung Quốc dự kiến đi vào khai thác trong giai đoạn 2024-2025.
- Với mảng LPG, giá cước vẫn có xu hướng tăng cao chủ yếu do tăng xuất khẩu propane từ Mỹ sang Châu Á để hưởng chênh lệch giá. Nguồn cung tàu vận tải LPG đang tăng mạnh hơn so với các loại tàu vận tải hàng lỏng khác, nhưng PVT vẫn đang có quan điểm tích cực về giá cước do nhu cầu dự kiến vẫn sẽ vượt nguồn cung.
- PVT cho rằng triển vọng giá cước mảng vận tải hàng rời sẽ khá tiêu cực do sự hồi phục của Trung Quốc không như kỳ vọng và tình trạng ách tắc cảng trên thế giới đã phần nào giảm nhẹ. Giá cước hàng rời có tính thời vụ, thường sẽ tăng cao trong quý 4, tuy nhiên mức base quá cao trong 2022 vẫn sẽ khiến giá cước ghi nhận tăng trưởng âm so với cùng kỳ. Động lực tăng trưởng mảng hàng rời sẽ phụ thuộc vào tình hình đầu tư công của phía Trung Quốc trong nửa cuối 2023.

#### **Thông tin về kế hoạch đầu tư mở rộng đội tàu**

- Tới cuối 2023, PVT sẽ nhận thêm 2 tàu mua hoàn toàn và 2 tàu thuê mua. PVT đang thương thảo đầu tư thêm một số tàu nhưng sẽ chỉ tập trung vào mảng vận tải dầu thành phẩm/hóa chất và LPG.
- Giá tàu hàng lỏng đang ở mức rất cao, chủ yếu do diễn biến giá cước thuận lợi. Yếu tố này sẽ ảnh hưởng phần nào tới tiến độ mở rộng đội tàu của PVT. Công ty sẽ phải cân đối theo tính khả thi của dự án, nếu tàu mục tiêu có mức giá nằm trong tổng mức đầu tư cho phép và có khả năng sinh lợi tốt trong cả vòng đời thì công ty vẫn triển khai đầu tư. Dự kiến PVT sẽ tăng cường thuê mua BBHP để đối phó với tình trạng giá tàu neo cao.
- Giá tàu hàng rời đã giảm theo xu hướng giá cước, nhưng PVT không tập trung mở rộng đội tàu cho mặt hàng này.
- Theo kế hoạch đến năm 2025, PVT chủ yếu mua các loại tàu Aframax (105 nghìn DWT) cho mảng dầu thô, tanker loại 13-20 nghìn DWT cho mảng dầu thành phẩm/hóa chất và tàu VLGC cho mảng LPG. Công ty vẫn sẵn sàng định mua tàu VLCC phục vụ nhà máy lọc hóa dầu Nghi Sơn nhưng sẽ cần đợi mức giá hợp lý hơn.



# TCT CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM (PVS)

## Báo cáo thăm doanh nghiệp

### Kỳ vọng khối lượng công việc lớn trong 2H2023 và 2024

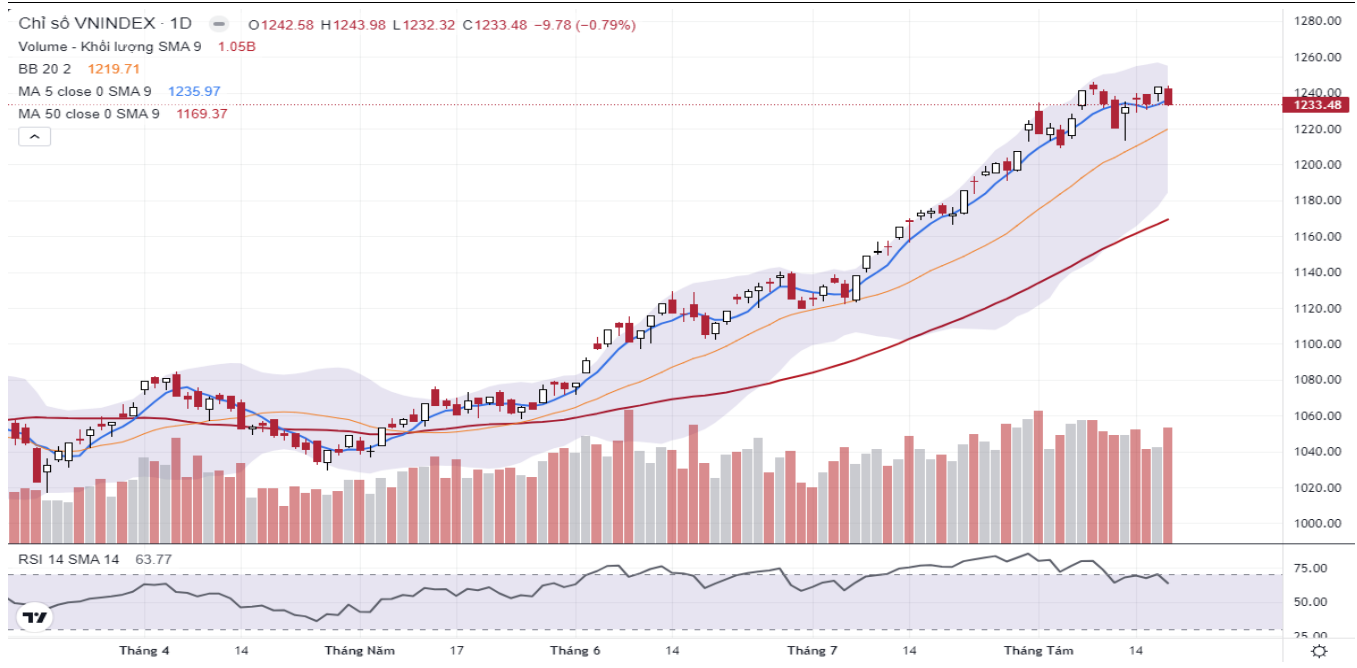
- PVS đánh giá thị trường M&C mảng dầu khí và điện gió trong 2H2023 và 2024 sẽ rất sôi động.
- Mảng M&C dầu khí nội địa có các dự án sẽ đi vào khai thác bao gồm: Lạc Đà Vàng A&B, Sư Tử Trắng 2B trong năm 2024. Mảng dầu khí thị trường quốc tế cũng đang rất nóng, chủ yếu do nhu cầu từ phía Trung Đông. PVS đang gấp rút đấu thầu một số dự án rất lớn tại Qatar, tuy nhiên công ty chưa tiết lộ các thông tin chi tiết cũng như giá trị hợp đồng của các dự án. Các hợp đồng sẽ đảm bảo khối lượng công việc khổng lồ trong giai đoạn khoảng 3 năm. Các dự án quốc tế đang thực hiện như Galaff 3 (Qatar) và Shwe Jacket 3 (Myanmar) sẽ sớm hoàn thành vào cuối 2023 và đầu 2024.
- Dự án trọng điểm Cá Voi Xanh vẫn chưa có tiến triển. Dự án Lô B vẫn chưa thể giải quyết vấn đề thương thảo về giá khí, giá vận chuyển và giá điện hạ nguồn. Sự chậm trễ này sẽ ảnh hưởng tới tiến độ đàm phán các gói hợp đồng liên quan đến dự án khi các bên không thể kí kết bất cứ văn bản nào cho đến khi có FID.
- Mảng M&C điện gió cũng đã có công việc đến 2026 với các dự án Hải Long 2&3 và Greater Changhua tại Đà Loan và Baltica 2 tại Ba Lan. Đối với các dự án này, PVS hiện đang chấp nhận mức biên lợi nhuận mỏng do công ty mới thâm nhập vào thị trường không lâu. Trong 2024, PVS kỳ vọng biên lợi nhuận mảng điện gió sẽ cải thiện sau khi công ty chuyên môn hóa và sắp xếp kho bãi theo hướng tối ưu hơn.
- Với mảng cho thuê kho nổi FSO/FPSO, hiện PVS đang đấu thầu cho dự án Lạc Đà Vàng. PVS sẽ phải đầu tư một kho nổi mới giành riêng cho cả vòng đời của dự án (10 năm) dưới hình thức liên kết góp vốn với đối tác. Dự kiến kho nổi mới sẽ có tổng mức đầu tư khoảng 300 triệu USD.
- Với mảng căn cứ cảng dịch vụ dầu khí, PVS nhận định vẫn có triển vọng tích cực trong thời gian tới. Biên lợi nhuận cảng dịch vụ dầu khí vẫn sẽ duy trì ở mức cao do PVS đang độc quyền tại nội địa, tất cả các công ty dịch vụ dầu khí đều phải sử dụng cảng của PVS. Tuy nhiên, mảng cảng hàng hòa triển vọng không tốt chủ yếu do thị trường xuất khẩu Việt Nam gặp khó khăn, ảnh hưởng trực tiếp tới sản lượng khai thác của các cảng. PVS kỳ vọng mảng cảng hàng hóa sẽ cải thiện trong năm 2024 khi thị trường xuất khẩu ấm lại.
- Với mảng dịch vụ tàu kỹ thuật, PVS hiện đang cung cấp dịch vụ chủ yếu cho thị trường nước ngoài (Trung Đông và Đông Nam Á). Công ty cho biết khối lượng công việc của mảng này đang rất tốt. Các hợp đồng tại thị trường quốc tế có giá cước thấp hơn nội địa, nhưng đảm bảo được tần suất làm việc dày và thời hạn kéo dài 2-3 năm, giúp đảm bảo hoạt động của công ty. Thị trường nội địa hiện không có công việc do số lượng mở mới tại Việt Nam rất thấp trong những năm qua. Giá cước thị trường nội địa tốt hơn nhưng thường chỉ đảm bảo hợp đồng trong thời hạn 2-3 tháng. Hiện PVS đang sở hữu 12 tàu dịch vụ kỹ thuật. Công ty cũng có kế hoạch đầu tư thêm để phục vụ nhu cầu quốc tế, chi phí đầu tư dự kiến khoảng 300 tỷ VND/tàu.
- Mảng O&M cũng được hưởng lợi nhờ nhu cầu khổng lồ tại thị trường Trung Đông.
- Mảng Khảo sát địa chấn, tàu ROV hiện đang gặp khó khăn do khối lượng công việc nội địa ít trong khi chưa thể thâm nhập thị trường quốc tế. PVS dự kiến sẽ tái cơ cấu mảng này theo hướng hiệu quả hơn.



# Quan điểm kỹ thuật

## Xu hướng & Hành động

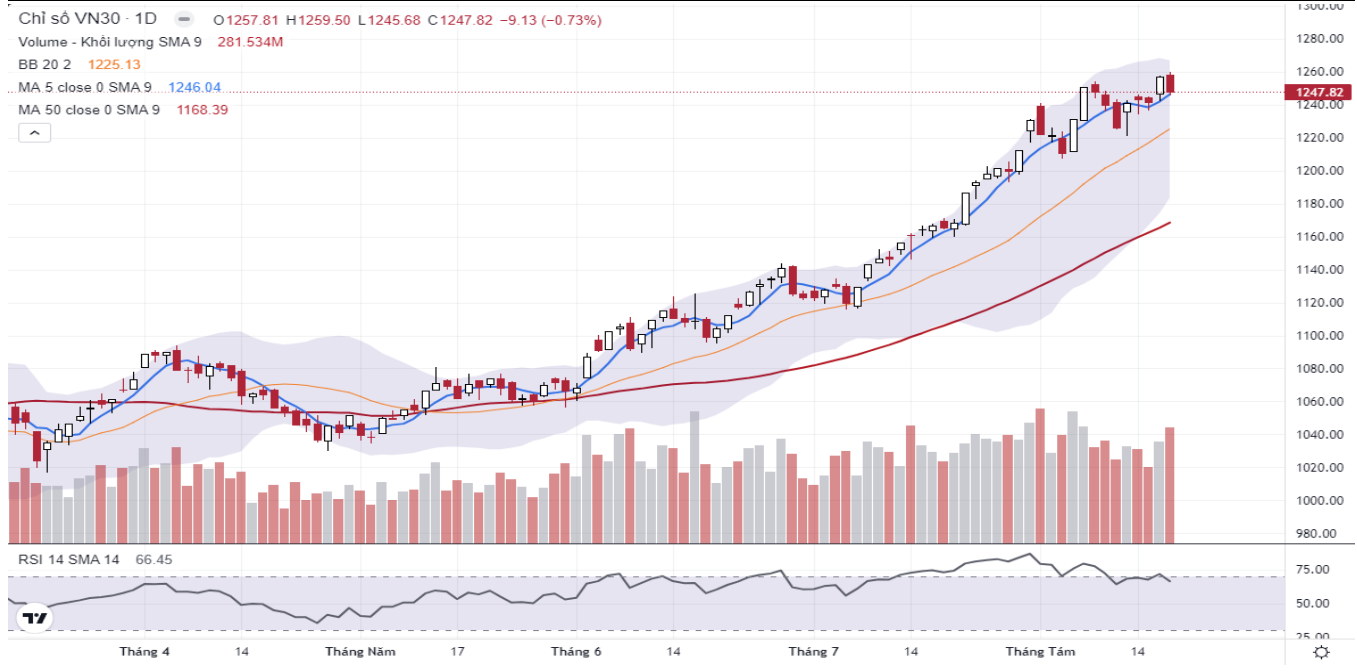
### Thị trường cơ sở – Chỉ số VNIndex



Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

- VNIndex trải qua một phiên điều chỉnh với biên độ giảm điểm mở rộng dần về cuối phiên.
- Bên bán áp đảo với thanh khoản tăng, cùng với các tín hiệu phân kỳ âm RSI đang cho thấy khả năng về một phiên giảm điểm sắp tới. Mặc dù rủi ro điều chỉnh vẫn còn hiện hữu, VNIndex được kỳ vọng có thể hướng lên vùng kháng cự kế tiếp quanh 125x.
- NĐT được khuyến nghị chỉ kê mua trở lại khi chỉ số về lại các vùng hỗ trợ quanh 120x.

## Chỉ số VN30



## Thị trường phái sinh - Hợp đồng tương lai VN30F1M (F1)



Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

### Ngưỡng trong phiên

Kháng cự xa: 1266 - 1271

Kháng cự gần: 1260 - 1263

Hỗ trợ gần: 1245 - 1248

Hỗ trợ xa: 1238 - 1240

— F1 trải qua một phiên điều chỉnh với biên độ giảm điểm mở rộng dần về cuối phiên.

— Lực mua suy yếu dần về cuối phiên cùng với các tín hiệu phân kỳ âm RSI đang cho thấy khả năng về một phiên giảm điểm sắp tới. Mặc dù rủi ro điều chỉnh vẫn còn hiện hữu, F1 được kỳ vọng có thể hướng lên vùng kháng cự kế tiếp quanh 1270 (+5).

— Chiến lược giao dịch trong phiên: Linh hoạt trading hai chiều, SHORT tại kháng cự, LONG tại hỗ trợ.

— Chiến lược giao dịch qua đêm: Linh hoạt trading hai chiều, SHORT tại kháng cự, LONG tại hỗ trợ.

Lưu ý: Mức dừng lỗ áp dụng cho các vị thế trong phiên là 2 điểm và qua đêm là 5 điểm. Tùy vào khẩu vị rủi ro và diễn biến thực tế, NĐT có thể cần điều chỉnh tăng giảm nhẹ các mức này.

# KBSV danh mục đầu tư mẫu

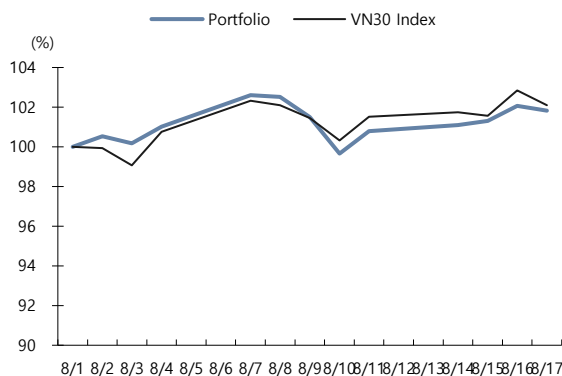
Khối phân tích KBSV

## Phương pháp tiếp cận:

- Danh mục tập hợp các cổ phiếu tiềm năng nhất được KBSV nghiên cứu và khuyến nghị nắm giữ trong 3 tháng tới với mục đích mang lại hiệu suất vượt trội so với chỉ số VN30.
- Ngưỡng cắt lỗ tại -15%
- Danh mục giữ định luôn duy trì tỷ trọng 100% cổ phiếu (bao gồm CCQ ETF) với trọng số được phân bổ đều giữa các mã. NĐT cần kết hợp với xu hướng thị trường và mức độ hấp dẫn của từng mã để điều chỉnh tỷ trọng tương ứng.

	VN30 Index	Master Portfolio
Tăng trong phiên	-0.73%	-0.24%
Tăng lũy kế (YTD)	2.10%	1.82%

## So sánh hiệu suất với VN30 Index



## Danh mục đầu tư mẫu cho NĐT trong nước

Mã CP	Ngày khuyến nghị	Giá đóng cửa 17/08/2023	Tăng/giảm trong phiên (%)	Tăng/giảm lũy kế (%)	Điểm nhấn đầu tư
Vietcombank (VCB)	01/08/2023	89,400	0.2%	-2.0%	- Tỷ lệ bao phủ nợ xấu cao so với toàn ngành, giúp linh hoạt trong việc giảm dự phòng. - NIM được kỳ vọng sẽ duy trì ở mức hiện tại hoặc giảm nhẹ - Tham gia tái cấu trúc TCTC yếu kém sẽ giúp ngân hàng được cấp room tín dụng ~14%.
PC1 Group (PC1)	01/08/2023	27,650	-1.3%	-0.9%	- Quy hoạch điện VIII phê duyệt giúp BLNG có thể được cải thiện lên 11% trong 2023 - Nhà máy khai thác Nickel tại Cao Bằng đã vận hành trong T4/2023 - PC1 dự kiến bàn giao toàn bộ 54 căn hộ thấp tầng tại dự án Gia Lâm trong 2023
Phu Nhuận Jewelry (PNJ)	01/08/2023	80,200	0.0%	-1.0%	- Ngành bán lẻ phục hồi sức mua theo nền kinh tế nhờ các hỗ trợ tài khóa và tiền tệ - Kỳ vọng BLNG cải thiện: 1) cơ cấu DM sản phẩm và 2) giảm bớt chính sách khuyến mại - Định giá về vùng hợp lý, giá đã phản ánh Kỳ vọng KQKD giảm tốc của mùa thấp điểm
Techcombank (TCB)	01/08/2023	34,700	-1.7%	2.1%	- Tăng trưởng tín dụng duy trì ở mức cao nhờ vào hoạt động bán buôn - NIM chưa phục hồi nhưng CASA được cải thiện, đạt 35% so với 1Q23 là 32% - P/B đang giao dịch ở mức 0.98 lần. Thấp hơn trung bình ngành là 1.63
PV Power (POW)	01/08/2023	14,000	0.7%	4.1%	- Nhà máy điện Vũng Áng 1 đang sửa chữa được dự kiến được quay trở lại vào quý 4/2023 - Nhu cầu phụ tải điện có xu hướng tăng trong khi thủy điện khó bù đắp sản lượng - Động lực tăng trưởng dài hạn đến từ 2 nhà máy nhiệt điện khí NT3 và NT4
FPT Corp (FPT)	01/08/2023	86,000	1.1%	1.8%	- Đạt KQKD tích cực 7 tháng đầu năm, kỳ vọng tăng trưởng 18% - 20% trong năm 2023 - Hưởng lợi từ tăng trưởng mảng công nghệ ở các thị trường chủ lực (Mỹ, Nhật) - Mảng giáo dục đầu tư duy trì tốc độ tăng trưởng cao và ổn định
Viettel Post (VTP)	01/08/2023	41,800	0.5%	1.8%	- VTP kỳ vọng cải thiện BLNG mảng dịch vụ lên 7.8% nhờ tập trung vào tối ưu hóa chi phí - Sản lượng chuyển phát kỳ vọng tiếp tục đà tăng trưởng, nâng thị phần của VTP lên 21% - VTP dành nhiều nguồn lực cho việc mở rộng thị trường phân khúc khách hàng lớn
Kinh Bắc Group (KBC)	01/08/2023	32,250	-0.3%	0.6%	- KBC kỳ vọng ghi nhận doanh số cho hơn 160ha đất KCN trong năm nay - Quỹ đất mới được phê duyệt 1,256 ha là động lực tăng trưởng trong trung và dài hạn - KĐT Trảng Cát và KCN Trảng Duệ 3 được kỳ vọng sẽ được đẩy nhanh tiến độ
Sacombank (STB)	01/08/2023	32,350	-1.7%	11.7%	- STB hưởng lợi từ (1) Các động thái giảm lãi suất; (2) Thanh khoản được cải thiện - Tỷ lệ nợ xấu trong nhóm thấp nhất và nợ nhóm 2 giảm trong 1Q2023 - STB có đủ dư địa lợi nhuận để trích lập cho trái phiếu VAMC như kế hoạch đề ra.
Binh Son Refinery (BSR)	01/08/2023	20,200	0.0%	4.1%	- Mức crack spread có thể được cải thiện từ mùa cao điểm ở thị trường Trung Quốc và Mỹ. - Kế hoạch hoàn bảo dưỡng nhà máy có thể giúp doanh thu và LNST tăng mạnh - Dự án nâng cấp mở rộng nhà máy được chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

# Thống kê thị trường

## HSX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
CTG	0.8%	27.3%	192.6
VIC	-4.9%	13.0%	134.4
HPG	0.5%	26.3%	99.3
SSI	3.8%	43.4%	63.7
VNM	0.7%	54.4%	48.6

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
MSN	0.4%	30.5%	-57.5
VPB	-1.1%	16.6%	-56.1
MWG	0.2%	49.0%	-51.1
E1VFN30	0.2%	90.2%	-39.2
PVT	-1.7%	13.6%	-19.6

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

## HNX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
BVS	2.7%	5.5%	7.6
IDC	-1.2%	1.1%	4.8
TIG	-3.2%	9.9%	2.7
PVG	-2.8%	5.0%	0.8
L14	-4.0%	0.2%	0.4

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
PVS	-1.7%	20.3%	-56.6
TNG	-2.0%	23.2%	-15.4
DTD	-2.6%	6.2%	-7.2
NVB	-2.5%	8.1%	-2.1
PVI	-0.6%	59.4%	-1.7

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

## Nhóm ngành – Top 5 nhóm ngành tăng/giảm trong tuần

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Máy móc	8.0%	TCH, HHS, SRF, SHA
Thương mại & phân phối	4.9%	VPG, TSC, BTT, TNA
Chứng khoán	4.9%	SSI, VND, HCM, VCI
Phụ tùng oto	4.7%	DRC, CSM, PAC, TNC
Công nghệ	4.4%	FPT, CMG, ELC

5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Đồ uống	-3.0%	SAB, BHN, SMB, SCD
Phân phối thiết bị & dịch vụ y tế	-2.9%	TNH, JVC, VMD
Dầu, khí và nhiên liệu tiêu hao	-2.5%	PLX, PGC, CNP, GSP
Tiện ích khí	-2.0%	GAS, PGD, PMG
Giấy & lâm sản	-1.8%	DHC, HAP, HHP, VID

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

## Nhóm ngành – Top 5 tăng/giảm trong tháng

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Máy móc	35.6%	TCH, HHS, SRF, SHA
Quản lý & phát triển bất động sản	16.5%	VHM, VIC, NVL, BCM
Thương mại & phân phối	10.0%	VPG, TSC, BTT, TNA
Công nghệ	9.5%	FPT, CMG, ELC
Chứng khoán	6.6%	SSI, VND, HCM, VCI

5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Dược	-6.8%	DHG, IMP, TRA, DBD
Cung cấp và dịch vụ thương mại	-5.6%	TLG, ILB, APC, ST8
Phân phối thiết bị & dịch vụ y tế	-5.5%	TNH, JVC, VMD
Sản phẩm xây dựng	-4.4%	VGC, BMP, SHI, DAG
Tập đoàn công nghiệp	-3.8%	REE, BCG, PET, EVG

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

## Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VND tỷ, USDmn)	GTGD (VND tỷ, USDmn)	Room còn lại (%,-1d)	P/E (X)		EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)			
							20E	21E		20E	21E	20E	21E	1D	1W	1M	YTD
Bất Động Sản	VIC	VINGROUP JSC	97,778	372,067 (16,170)	623,664 (26.2)	22.5	81.9	81.7	14.7	3.0	2.9	2.4	2.4	-4.9	5.9	35.9	33.6
	VHM	VINHOMES JSC	79,385	339,478 (14,753)	258,549 (10.9)	26.6	8.3	7.6	35.9	19.8	18.6	1.5	1.3	-3.0	0.7	3.4	27.1
	VRE	VINCOM RETAIL JS	34,850	79,190 (3,442)	230,385 (9.7)	17.8	17.1	16.0	-7.6	11.5	11.3	1.9	1.8	-2.9	1.8	6.8	16.3
	NVL	NOVALAND INVESTM	45,853	86,712 (3,768)	926,100 (39.0)	31.3	-	-	6.7	-1.8	-3.4	1.1	1.1	0.0	0.2	34.5	47.5
	KDH	KHANG DIEN HOUSE	28,347	19,167 (833)	81,274 (3.4)	11.6	26.3	18.7	13.7	8.5	11.3	2.0	1.9	-0.1	1.7	9.2	34.0
	DXG	DAT XANH GROUP	21,130	12,594 (547)	498,632 (21.0)	13.9	59.5	46.4	-	7.3	2.9	1.3	1.3	-2.4	6.9	24.2	58.8
Ngân hàng	VCB	BANK FOR FOREIGN	67,686	378,305 (16,441)	103,015 (4.3)	6.3	14.9	13.0	11.7	22.7	20.5	3.0	2.4	0.2	1.0	0.7	32.0
	BID	BANK FOR INVESTM	34,507	174,556 (7,586)	93,455 (3.9)	12.7	13.2	9.8	-5.3	20.3	20.6	2.1	1.7	-0.8	1.3	1.9	22.0
	TCB	VIETNAM TECHNOLO	38,900	136,341 (5,925)	219,429 (9.2)	0.0	6.5	5.1	14.3	15.3	16.6	0.9	0.8	-1.7	3.6	8.8	34.2
	CTG	VIETNAM JS COMM	28,512	137,021 (5,955)	233,267 (9.8)	1.4	8.8	7.7	50.3	16.4	17.2	1.3	1.1	0.8	3.0	9.8	19.6
	VPB	VIETNAM PROSPERI	15,296	101,381 (4,406)	452,222 (19.1)	0.0	10.8	7.9	18.8	11.7	13.7	1.2	1.1	-1.1	0.9	8.3	23.7
	MBB	MILITARY COMMERC	14,063	73,327 (3,187)	177,071 (7.5)	0.0	5.2	4.4	14.6	23.0	22.4	1.0	0.9	-0.8	-0.3	1.3	26.8
	HDB	HDBANK	14,191	40,641 (1,766)	53,033 (2.2)	4.2	5.3	4.8	23.3	22.9	20.4	1.1	0.9	0.0	-0.3	4.4	23.7
	STB	SACOMBANK	18,600	33,548 (1,458)	705,371 (29.7)	14.0	8.4	5.2	26.5	18.6	23.4	1.3	1.0	-1.7	5.9	15.5	43.8
	TPB	TIEN PHONG COMME	14,821	28,732 (1,249)	174,659 (7.4)	0.0	5.1	4.5	37.4	19.5	19.2	1.0	0.8	-1.3	1.9	3.3	24.6
	EIB	VIETNAM EXPORT-I	15,417	22,745 (988)	234,455 (9.9)	0.2	-	-	27.3	16.3	16.5	-	-	-1.6	1.9	17.6	6.0
Bảo hiểm	BVH	BAO VIET HOLDING	61,900	45,950 (1,997)	44,098 (1.9)	21.0	16.6	15.2	15.8	11.3	10.3	1.6	1.5	-0.9	-1.1	-1.7	-0.2
	BMI	BAOMINH INSURANC	22,250	2,439 (106)	5,468 (0.2)	14.2	-	-	9.1	13.4	-	-	-	0.9	3.7	2.9	24.9
Chứng khoán	SSI	SSI SECURITIES C	20,676	19,947 (867)	533,132 (22.4)	55.4	17.3	15.4	-3.2	13.6	11.9	1.8	1.6	3.8	6.6	4.0	69.2
	VCI	VIETCAP	21,154	9,108 (396)	181,207 (7.6)	71.9	18.5	16.3	-4.0	15.0	15.6	2.7	2.4	0.5	1.6	2.1	85.8
	HCM	HO CHI MINH CITY	22,265	8,907 (387)	155,464 (6.5)	52.4	18.7	17.1	-19.0	10.3	10.2	1.8	1.7	0.7	2.2	-1.5	52.5
	VND	VNDIRECT SECURIT	6,983	5,734 (249)	637,379 (26.9)	27.2	15.4	15.2	36.3	12.2	11.5	1.8	1.7	0.9	7.0	17.5	59.3
Hàng tiêu dùng thiết yếu	VNM	VIET NAM DAIRY P	109,000	227,805 (9,900)	250,634 (10.6)	42.1	18.7	16.2	4.0	28.7	31.4	5.4	5.5	0.7	0.7	1.8	-3.3
	SAB	SAIGON BEER ALCO	192,500	123,447 (5,365)	31,998 (1.3)	36.9	22.1	19.7	7.3	20.7	20.8	4.0	3.9	-1.0	-3.1	1.4	-6.7
	MSN	MASAN GROUP CORP	79,250	111,712 (4,855)	186,918 (7.9)	16.5	52.2	23.7	-51.9	8.7	13.8	5.2	5.0	0.4	-1.1	1.7	-11.7
	HNG	HOANG ANH GIA LA	12,450	13,801 (600)	26,987 (1.1)	48.8	-	-	-	-	-	-	-	-2.5	-3.0	6.5	2.6
Công nghiệp (vận tải)	VJC	VIETJET AVIATION	131,800	69,042 (3,001)	86,465 (3.6)	11.0	61.0	29.2	-88.5	12.8	11.2	3.4	2.9	-0.8	-0.7	2.8	-8.7
	GMD	GEMADEPT CORP	33,100	9,976 (434)	75,919 (3.2)	10.8	11.6	16.8	-57.0	25.2	12.4	1.9	1.8	-1.1	-2.0	-3.0	21.6
	CII	HO CHI MINH CITY	22,600	5,398 (235)	278,635 (11.7)	38.4	17.6	14.4	65.7	2.4	3.8	1.1	1.1	-1.6	6.8	12.8	70.5
Công nghiệp (Tư bản)	ROS	FLC FAROS CONSTR	3,670	2,083 (091)	#N/A (#N/A)	46.4	-	-	-92.4	-	-	-	-	-	-	-	-
	GEX	GELEX GROUP JSC	15,802	10,411 (452)	427,357 (18.0)	37.7	-	-	-14.4	-	-	-	-	3.3	7.3	15.4	90.7
	CTD	COTECCONS CONSTR	73,200	5,438 (236)	92,113 (3.9)	3.6	25.4	26.9	-52.4	-0.2	2.4	0.6	0.6	-2.2	-4.0	-16.0	99.1
	REE	REE	45,066	18,419 (800)	62,929 (2.7)	0.0	10.4	10.1	-4.5	15.6	15.1	1.5	1.4	-0.6	-0.3	-4.0	0.8

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

## Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VND tỷ, USDmn)	GTGD (VND triệu, USDmn)	Room còn lại (%, -1d)	P/E (X)		EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)			
							20E	21E		20E	21E	20E	21E	1D	1W	1M	YTD
Tiện ích	GAS	PETROVIETNAM GAS	90,100	172,447 (7,494)	51,856 (2.2)	46.1	15.9	15.1	-17.5	19.0	17.9	3.0	2.7	-0.2	-2.0	1.0	-1.5
	NT2	PETROVIETNAM NHO	22,850	6,578 (286)	25,080 (1.1)	31.4	11.9	9.8	-10.5	13.9	19.9	1.8	1.8	-1.0	-1.4	-6.4	1.2
	PPC	PHA LAI THERMAL	26,200	8,400 (365)	7,350 (0.3)	34.1	13.4	5.5	-5.1	6.9	15.7	-	-	0.0	-1.4	-7.7	14.2
Nguyên vật liệu	HPG	HOA PHAT GRP JSC	24,986	145,287 (6,314)	735,989 (31.0)	18.0	20.4	13.0	21.9	8.1	11.7	1.6	1.4	0.5	2.7	2.9	56.1
	DPM	PETROVIETNAM FER	17,400	6,809 (296)	122,435 (5.2)	36.5	10.7	11.1	-0.5	11.0	11.8	1.2	1.2	-1.2	5.0	11.9	-4.5
	DCM	PETRO CA MAU FER	13,650	7,226 (314)	138,678 (5.8)	46.5	14.2	10.0	-4.5	11.6	16.3	1.6	1.5	-1.5	2.0	17.1	24.0
	HSG	HOA SEN GROUP	18,314	11,063 (481)	279,525 (11.8)	38.9	-	18.9	67.9	0.8	6.9	1.3	1.2	-2.0	6.4	13.3	78.4
	AAA	AN PHAT BIOPLAST	12,864	3,138 (136)	120,041 (5.1)	97.2	16.5	14.1	17.2	6.2	7.2	-	-	-0.4	-1.3	-0.8	72.0
Năng lượng	PLX	VIETNAM NATIONAL	56,100	68,375 (2,972)	70,374 (3.0)	4.6	16.4	15.6	-51.0	12.9	12.1	2.0	1.9	-1.2	-2.6	-2.9	25.4
	PVD	PETROVIETNAM DRI	17,727	9,854 (428)	126,564 (5.3)	39.9	39.9	22.6	-11.9	5.2	8.9	1.0	1.0	-1.0	-0.6	0.2	42.9
	PVT	PETROVIET TRANSP	17,900	5,793 (252)	92,432 (3.9)	35.9	8.8	8.2	2.2	15.0	14.5	1.1	1.0	-1.7	-0.9	-3.1	5.0
Hàng tiêu dùng không thiết yếu	MWG	MOBILE WORLD INV	46,500	65,024 (2,826)	339,174 (14.3)	0.0	37.4	16.3	14.4	9.8	17.3	3.1	2.7	0.2	3.7	10.8	25.6
	PNJ	PHU NHUAN JEWELR	65,625	19,895 (865)	80,804 (3.4)	0.0	15.4	12.5	2.4	19.6	21.8	2.8	2.4	0.0	1.5	-0.1	-10.8
	YEG	YEAH1 GROUP CORP	40,300	1,261 (055)	1,819 (0.1)	70.6	-	-	-	-	-	-	-	-1.5	-0.4	-3.9	51.0
	FRT	FPT DIGITAL RETA	16,348	2,227 (097)	109,610 (4.6)	30.3	46.4	22.0	-75.2	10.7	18.3	4.4	3.7	-2.2	-3.2	-9.7	19.3
	PHR	PHUOC HOA RUBBER	61,900	8,387 (365)	25,782 (1.1)	34.6	8.0	8.4	41.2	19.2	17.7	2.1	2.0	-1.2	0.4	-2.3	28.7
Chăm sóc sức khỏe	DHG	DHG PHARMACEUTIC	100,300	13,114 (570)	10,716 (0.5)	45.4	12.5	11.7	10.7	25.4	24.1	3.1	2.6	-2.0	-0.9	-9.4	35.5
	PME	PYMEPHARCO JSC	80,200	6,016 (261)	#N/A (#N/A)	11.7	-	-	1.6	-	-	-	-	-	-	-	-
IT	FPT	FPT CORP	49,275	61,301 (2,664)	111,849 (4.7)	0.0	18.1	14.8	15.5	27.2	28.3	4.5	3.7	1.1	4.6	8.9	28.6

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

## KHỐI PHÂN TÍCH CÔNG TY CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM

Nguyễn Xuân Bình – Giám đốc phân tích  
binhnx@kbsec.com.vn

### Phân tích doanh nghiệp

#### Ngân hàng, Bảo hiểm & Chứng khoán

Nguyễn Anh Tùng – Trưởng nhóm  
tungna@kbsec.com.vn

Phạm Phương Linh – Chuyên viên phân tích  
linhpp@kbsec.com.vn

#### Bất động sản, Xây dựng & Vật liệu xây dựng

Phạm Hoàng Bảo Nga – Chuyên viên phân tích cao cấp  
ngaphb@kbsec.com.vn

Nguyễn Dương Nguyên – Chuyên viên phân tích  
nguyenn1@kbsec.com.vn

#### Bán lẻ & Hàng tiêu dùng

Nguyễn Trường Giang – Chuyên viên phân tích  
giangnt1@kbsec.com.vn

#### Bất động sản khu công nghiệp & Logistics

Nguyễn Thị Ngọc Anh – Chuyên viên phân tích  
anhntn@kbsec.com.vn

#### Công nghệ thông tin & Tiện ích

Nguyễn Đình Thuận – Chuyên viên phân tích  
thuann1@kbsec.com.vn

#### Dầu khí & Hóa Chất

Phạm Minh Hiếu – Chuyên viên phân tích  
hieupm@kbsec.com.vn

Khối phân tích  
research@kbsec.com.vn

### Phân tích vĩ mô & Chiến lược đầu tư

Trần Đức Anh – Giám đốc vĩ mô & Chiến lược đầu tư  
anhhd@kbsec.com.vn

#### Vĩ mô & Ngân hàng

Hồ Đức Thành – Chuyên viên phân tích  
thanhhd@kbsec.com.vn

Vũ Thu Uyên – Chuyên viên phân tích  
uyenvt@kbsec.com.vn

#### Chiến lược đầu tư

Thái Hữu Công – Chuyên viên phân tích  
congth@kbsec.com.vn

Nghiêm Sỹ Tiến – Chuyên viên phân tích  
tienss@kbsec.com.vn

### Bộ phận Hỗ trợ

Nguyễn Cẩm Thơ – Chuyên viên hỗ trợ  
thonc@kbsec.com.vn

Nguyễn Thị Hương – Chuyên viên hỗ trợ  
huongnt3@kbsec.com.vn



## CTCP CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM (KBSV)

---

### Trụ sở chính:

Địa chỉ: Tầng 16&17, Tháp 2, Tòa nhà Capital Place, số 29 Liễu Giai, Ba Đình, Hà Nội  
Điện thoại: (+84) 24 7303 5333 - Fax: (+84) 24 3776 5928

### Chi nhánh Hà Nội:

Địa chỉ: Tầng 1, Tòa nhà VP, số 5 Điện Biên Phủ, Quận Ba Đình, Hà Nội  
Điện thoại: (+84) 24 7305 3335 - Fax: (+84) 24 3822 3131

### Chi nhánh Hồ Chí Minh:

Địa chỉ: Tầng 2, TNR Tower Nguyễn Công Trứ, 180-192 Nguyễn Trứ, Q1, TP Hồ Chí Minh  
Điện thoại: (+84) 28 7303 5333 - Fax: (+84) 28 3914 1969

### Chi nhánh Sài Gòn:

Địa chỉ: Tầng 1, Saigon Trade Center, 37 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Q1, Hồ Chí Minh  
Điện thoại: (+84) 28 7306 3338 - Fax: (+84) 28 3910 1611

## LIÊN HỆ

Trung Tâm Khách hàng Tổ chức: (+84) 28 7303 5333 – Ext: 2656

Trung Tâm Khách hàng Cá nhân: (+84) 24 7303 5333 – Ext: 2276

Email: [ccc@kbsec.com.vn](mailto:ccc@kbsec.com.vn)

Website: [www.kbsec.com.vn](http://www.kbsec.com.vn)

## Hệ thống khuyến nghị

---

### Hệ thống khuyến nghị đầu tư cổ phiếu

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Mua:	Nắm giữ:	Bán:
+15% hoặc cao hơn	trong khoảng +15% và -15%	-15% hoặc thấp hơn

### Hệ thống khuyến nghị đầu tư ngành

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Khả quan:	Trung lập:	Kém khả quan:
Vượt trội hơn thị trường	Phù hợp thị trường	Kém hơn thị trường

Ý kiến trong báo cáo này phản ánh đánh giá chuyên môn của (các) chuyên viên phân tích kể từ ngày phát hành và dựa trên thông tin và dữ liệu thu được từ các nguồn mà KBSV cho là đáng tin cậy. KBSV không tuyên bố rằng thông tin và dữ liệu là chính xác hoặc đầy đủ và các quan điểm được trình bày trong báo cáo này có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Khách hàng nên độc lập xem xét các trường hợp và mục tiêu cụ thể của riêng mình và tự chịu trách nhiệm về các quyết định đầu tư của mình và chúng tôi sẽ không có trách nhiệm đối với các khoản đầu tư hoặc kết quả của chúng. Những tài liệu này là bản quyền của KBSV và không được sao chép, phân phối lại hoặc sửa đổi mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của KBSV. Nhận xét và quan điểm trong báo cáo này có tính chất chung và chỉ nhằm mục đích tham khảo và không được phép sử dụng cho bất kỳ mục đích nào khác.

